



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Trải nghiệm ngành, nghề CN Điện ảnh truyền hình**
- Tên tiếng Anh: Experience the Cinema and Television industry
- Mã học phần: ...
- Số tín chỉ: 1 (0/1/0) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, $c = 2 \times a$: số tín chỉ tự học]
- Cấp độ đào tạo: Đại học/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ
- Loại học phần: Bắt buộc/ Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: không
- Đơn vị phụ trách: Khoa nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 60 giờ, trong đó:
- Lý thuyết: 0 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 60 giờ (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Ngọc Hiền
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903676710
- Email: ngochienbiendao@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Phước
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0989022399

- Email: daodienxuanphuoc@gmail.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Trải nghiệm ngành, nghề công nghệ điện ảnh truyền hình” gồm có 8 chương, tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về lĩnh vực điện ảnh và truyền hình. Nội dung học phần có thể bao gồm các chủ đề như lịch sử của ngành công nghiệp điện ảnh và truyền hình, quy trình sản xuất phim và chương trình truyền hình, kỹ thuật quay phim và chỉ đạo diễn xuất, cũng như các xu hướng mới trong ngành. Sinh viên có thể được yêu cầu tham gia vào các dự án thực tế để áp dụng những kiến thức đã học và phát triển kỹ năng thực hành.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học kiến thức chung về các khía cạnh của ngành công nghiệp điện ảnh và truyền hình. Điều này bao gồm hiểu biết về lịch sử, phát triển của ngành, quy trình sản xuất phim, kỹ thuật quay phim, biên tập, hiệu ứng đặc biệt, âm thanh, kịch bản viết và quản lý dự án. Đồng thời, học phần này cũng có thể giúp phát triển kỹ năng sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong ngữ cảnh của ngành công nghiệp điện ảnh và truyền hình.

- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các khía cạnh quan trọng của ngành, bao gồm lịch sử và phát triển của điện ảnh và truyền hình, kỹ thuật sản xuất phim, kịch bản viết và phát triển, quay phim, chỉ đạo diễn xuất, chỉnh sửa và dựng phim, cũng như hiểu biết về các công nghệ và xu hướng mới trong lĩnh vực này.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các khía cạnh của ngành công nghiệp điện ảnh và truyền hình, bao gồm lịch sử phim ảnh, kỹ thuật sản xuất, biên kịch, đạo diễn, kỹ xảo đặc biệt, âm nhạc, và marketing phim.

- Trang bị kiến thức về các khía cạnh của ngành công nghiệp điện ảnh và truyền hình, bao gồm lịch sử, kỹ thuật sản xuất phim, biên kịch, quay phim, chỉ đạo nghệ thuật, biên tập, âm thanh, và các khía cạnh khác liên quan đến quá trình tạo ra nội dung truyền hình và điện ảnh.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu sâu về các quy trình và giai đoạn sản xuất điện ảnh và truyền hình, bao gồm lập kế hoạch, sản xuất và hậu kỳ.
CLO2	Nhận thức về các xu hướng hiện đại và công nghệ mới trong ngành. Kiến thức

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
	về các vấn đề pháp lý, đạo đức và bản quyền trong sản xuất phim và chương trình truyền hình.
Kỹ năng	
CLO3	Kỹ năng thực hành chuyên nghiệp trong việc sử dụng thiết bị và công nghệ điện ảnh và truyền hình.
CLO4	Khả năng áp dụng các kỹ thuật kể chuyện và thể hiện ý tưởng qua hình ảnh và âm thanh.
CLO5	Kỹ năng phối hợp và làm việc hiệu quả trong một đội ngũ sản xuất.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO6	Trách nhiệm đạo đức trong việc sản xuất nội dung, bao gồm xem xét đến các ảnh hưởng xã hội và văn hóa của các sản phẩm truyền thông.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X										
CLO2	X				X			X				
CLO3			X								X	
CLO4				X		X						
CLO5					X		X					
CLO6		X				X				X	X	

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Giới thiệu về Điện ảnh và Truyền hình	CLO2, CLO5
1.1.	Lịch sử và phát triển của ngành: Khám phá sự tiến	

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	hóa của điện ảnh và truyền hình từ những ngày đầu cho đến công nghệ hiện đại.	
1.2.	Các thể loại phim và chương trình truyền hình: Phân tích các thể loại khác nhau và đặc điểm của chúng, từ phim hành động đến tài liệu.	
1.3.	Nhập môn lý thuyết phim: Nghiên cứu các lý thuyết cơ bản về điện ảnh, bao gồm cả phân tích phim và kỹ thuật kể chuyện.	
Chương 2	Kỹ thuật Sản xuất Phim và Truyền hình	CLO3, CLO4, CLO6
2.1.	Quy trình sản xuất: Từ lập kế hoạch đến sản xuất, hậu kỳ, và phát hành.	
2.2.	Công nghệ và thiết bị: Học cách sử dụng các thiết bị chuyên dụng như máy quay, hệ thống âm thanh, và phần mềm chỉnh sửa.	
2.3.	Workshop và thực hành: Thực hành trực tiếp các kỹ năng đã học, bao gồm cả việc quay phim và chỉnh sửa cơ bản.	
Chương 3	Đạo đức nghề nghiệp và Trải nghiệm Thực tế	CLO1, CLO3
3.1.	Đạo đức trong sản xuất phim và truyền hình: Nhận thức về các vấn đề đạo đức và pháp lý trong ngành.	
3.2.	Thực tập và trải nghiệm thực tế: Cơ hội thực tập tại các studio, đài truyền hình hoặc công ty sản xuất phim để áp dụng kiến thức vào thực tiễn.	
3.3.	Dự án cuối khóa: Phát triển và thực hiện một dự án phim hoặc truyền hình nhỏ, cho phép sinh viên thể hiện khả năng và kỹ năng của mình.	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO3, CLO4, CLO6
	Người học chọn một đoạn phim ngắn hoặc một chương	

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	trình truyền hình ngắn để xem. Sau đó, phân tích các yếu tố kỹ thuật và nghệ thuật được sử dụng trong đó, bao gồm ánh sáng, âm thanh, cắt ghép, diễn xuất, và góc quay. Sau khi phân tích, viết một bài báo cáo hoặc làm một bản trình bày để chia sẻ nhận định và ý kiến của bạn về cách các yếu tố này đã ảnh hưởng đến trải nghiệm của người xem.	
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO1, CLO3
	Người học sản xuất một video ngắn. Cụ thể, sinh viên lập kế hoạch, quay phim, chỉ đạo diễn xuất, và biên tập một video ngắn về một chủ đề liên quan đến ngành công nghiệp điện ảnh và truyền hình	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Giới thiệu về Điện ảnh và Truyền hình	0	0	20	0		
2	Kỹ thuật Sản xuất Phim và Truyền hình	0	0	20	0		
3	Đạo đức nghề nghiệp và Trải nghiệm Thực tế	0	0	20	0		
Tổng		0	0	60	0		

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Tác động của công nghệ mới trong sản xuất điện ảnh truyền hình.
2. Đa dạng và đại diện trong ngành công nghiệp điện ảnh truyền hình.
3. Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông xã hội đối với người xem.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Trải nghiệm thực tế
- Phân tích và đánh giá
- Thảo luận

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Trải nghiệm thực tế	X	X					X			X		
Phân tích và đánh giá	X				X				X	X		
Thảo luận			X			X				X		

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Làm việc nhóm	X	X					X			X		
Tự học, tự nghiên cứu	X				X					X		

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: tiểu luận

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X		X			X			X	X		

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

- Luật Điện ảnh 2022 (số 05/2022/QH15) Văn bản pháp luật quy định về hoạt động điện ảnh tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2023,
- Giáo trình cơ sở ngành Điện ảnh – Truyền hình – *Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*
- Tài liệu đào tạo chuyên ngành Đạo diễn, sản xuất nội dung số – *Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP.HCM*
- Film Studies: An Introduction (Second Edition) – *Ed Sikov*
- Introduction to Film & TV – *Open Library, Oklahoma State University*
- David Bordwell, Kristin Thompson (2024), *Nghệ thuật điện ảnh*, Đỗ Thu Hà, Phan Đăng Di (dịch và hiệu đính), NXB Thế giới.
- Warren Buckland (2021), *Nghiên cứu phim*, Nhã Nam, NXB Tri thức.
- Bruno Toussaint (2022), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình*, Hội Điện ảnh Việt Nam.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Bruno Toussaint (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình*, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hà Nội.

2. David Bordwell, Kristin Thompson (2013), *Nghệ thuật điện ảnh*, NXB Nhã Nam và NXB Thế giới, Hà Nội.
3. Warren Buckland (2011), *Nghiên cứu phim*, Nhã Nam, NXB Tri thức, Hà Nội.
4. Richard L. Bare (2018), *Nghệ thuật đạo diễn*, Đặng Minh Liên dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
5. Đình Quang, 1997, Ảnh hưởng của nền sân khấu Xô Viết với sân khấu Việt Nam, Tạp chí Sân khấu – Số 9.
6. Hoàng Sự, 2002, Vấn đề thi pháp kịch Chekhov – NXB Văn học.
7. Nguyễn Du, 2018, Truyện Kiều, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, NXB Văn học.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)